

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 4 - 2019

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Q

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị L

2. Bà Phan Thị Thúy N

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phi Y - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Lê H – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 979/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc “ Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần V, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Đường P, Phường S, quận T, Tp. Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều P, Sinh năm 1973 (vắng mặt lần thứ 2)

Địa chỉ: Đường P, Phường S, quận T, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 21/9/2018 cùng lời trình tại bản tự khai ngày 23/10/2018 của nguyên đơn – ông Nguyễn Trần V thì ông và bà P tự nguyện kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, Quyền số 1/2002, do Ủy ban nhân dân Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/8/2002. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ 02 năm nay. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 05 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 11/10/2003, Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/3/2005, Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Gia Pc, sinh ngày 15/02/2014, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 05 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, nhưng bà P không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, ông Nguyễn Trần V trình bày: Ông và bà P tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2002. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 3 năm gần đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông và bà P thường xuyên xảy ra cãi vã do bà P vay mượn tiền của nhiều người, nhưng không biết vay để làm gì. Vợ chồng sống ly thân từ 02 năm nay. Ông đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Hiện nay bà P đã bỏ nhà đi. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống ông và bà P có 05 con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 11/10/2003, Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/3/2005, Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 15/02/2014. Hiện nay 5 trẻ do ông trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà P đã bỏ nhà đi, không chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nay ông yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng 05 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn – bà P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là không thể hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Trần V. Giao trẻ Nguyễn Gia P, sinh ngày 11/10/2003, Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/3/2005, Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 15/02/2014 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà P, do ông V không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Nguyễn Trần V nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, thì bị đơn – bà Nguyễn Kiều P có cư trú tại Đường P, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Tân B đã tiến hành tổng đạt cho bà P thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên Tòa lần thứ nhất ngày 25/3/2019, lần thứ 2 ngày 19/4/2019, nhưng bà P vẫn vắng

mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân:

Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 104, Quyền số 1/2002, do Ủy ban nhân dân Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/8/2002 thì quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà P là hợp pháp. Nay ông V xin ly hôn vì quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn. Ông V và bà P đã sống ly thân 02 năm nay, ông V đã cố gắng hàn gắn nhưng không được.

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, bà P không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc ông V xin ly hôn, chứng tỏ bà P không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của ông V là được ly hôn với bà P để ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung:

Theo lời trình bày của ông V và bản sao giấy khai sinh của các con do ông V cung cấp cho Tòa án thì quá trình chung sống ông V và bà P 05 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 11/10/2003, Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/3/2005, Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Gia Pc, sinh ngày 15/02/2014 hiện đang ở với ông Việt. Nay ông V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 05 con chưa thành niên là trẻ P, K, H, N và Pc là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của các trẻ là xin được ở với ông V, nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do ông V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời trình bày của ông V thì quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông V phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227; các điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 2, 6, 7, 9, 26, 30, 31 và 32 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trần V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trần V được ly hôn bà Nguyễn Kiều P.
- Về con chung: Ông Nguyễn Trần V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Gia P, sinh ngày 11/10/2003, Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/3/2005, Nguyễn Gia H, sinh ngày 23/11/2006, Nguyễn Gia N, sinh ngày 18/9/2010 và Nguyễn Gia P, sinh ngày 15/02/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Kiều P, do ông V không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu tới việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông V khai không có.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trần V phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037124 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận T;
- Chi cục THA dân sự Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ .

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Q